

Bản án số: 68/2022/HS-PT
Ngày 17-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Với T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán tham gia: Ông Nguyễn Xuân Chiến và ông Võ Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 84/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Ngô Đức V và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo và các bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2022/HS-ST ngày 10-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 130/2022/QĐXXPT-HS ngày 21-10-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 275/2022/QĐ-PT ngày 03-11-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

1. Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1.1. Ngô Đức V, sinh năm 1976 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: bản G, xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C và bà Phạm Thị V (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị D và 03 con; nhân thân: Bản án số: 235/1997/HS-ST ngày 14-11-1997, của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 18 tháng tù về tội “*Lưu hành tiền giả*”, chấp hành xong ngày 07-10-1998; tại ngoại – Có mặt.

1.2. Nguyễn Trọng T, sinh năm 1980 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Thôn X, xã N, thành phố I, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị H và 01 con; nhân thân: Quyết định số: 788 QĐ/XPVPHC ngày 09-9-1998 của Công an thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải bằng hình phạt tiền đã nộp phạt ngày 10-9-1998; tại ngoại - Có mặt.

1.3. Đàm Tiến H, sinh năm 1983 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ B, phường A, thành phố I, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học

vấn: 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Tiến T và bà Nguyễn Thị K; có vợ là Lưu Thị Thu T (đã ly hôn năm 2019) và 01 con; tiền án: Bản án số: 43/2005/HS-ST ngày 03-10-2005 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, chưa nộp án phí hình sự; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-02-2022 đến ngày 14-3-2022; đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an Thành phố I, tỉnh Đắk Nông trong vụ án khác – Có mặt.

1.4. **Phạm Hùng D**, sinh năm 1999 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Ngô Thị Tuyết N; chưa có vợ con; tiền án: Bản án số: 05/2019/HS-ST ngày 23-01-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” chấp hành xong hình phạt ngày 25-11-2020; nhân thân: Bản án số: 04/2016/HS-PT ngày 27-01-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” đã chấp hành xong hình phạt ngày 24-4-2016; đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện S, tỉnh Đắk Nông trong vụ án khác - Có mặt.

1.5. **Trần Văn T5**, sinh năm 1991 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ D, thị trấn N, huyện S, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T5 và bà Trần Thị V; có vợ là Chu Thị Mộng K và có 03 con; tiền án: Bản án số: 45/2019/HS-ST ngày 28-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt ngày 04-5-2021; nhân thân: Quyết định số: 193/QĐ-XPHC ngày 04-9-2021 của Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức bằng hình phạt tiền; tại ngoại - Có mặt.

1.6. **Lê Văn Đ**, sinh năm 1994 tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Tổ E, phường A, thành phố I, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Trần Thị T; chung sống như vợ chồng với chị Phan Thị V và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại – Có mặt.

1.7. **Nguyễn Hải T4**, sinh năm 1999 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hải D và bà Phạm Thị M; chưa có vợ con; nhân thân: Ngày 23-02-2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông khởi tố và bắt tạm giam về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” - Có mặt.

2. *Bị cáo bị kháng cáo:* **Đoàn Văn P**, sinh năm 1999 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Q và bà Phạm Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại – Có mặt.

3. *Người có kháng cáo:*

3.1. Ông Đào Văn D, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn K, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

3.2. Bà Ngô Thị Vân A, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn K, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

4. Người bào chữa:

4.1. Người bào chữa cho bị cáo Ngô Đức V: Ông Nguyễn Văn K; địa chỉ: Công ty luật TNHH MTV V, đường Lê Thị Hồng G, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

4.2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng T: Ông Phạm Quốc H; địa chỉ: Công ty luật TNHH A và cộng sự, đường 23/3, tổ V, phường T, thành phố I, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, Công ty năng lượng điện gió R (Công ty điện gió) thi công lắp đặt các trụ điện gió trên địa bàn huyện S. Trong quá trình thi công Công ty điện gió hợp đồng với Công ty Cổ phần đầu tư X (Công ty X) thi công đường dây tải điện 220KV nối các trụ điện gió với hệ thống lưới điện quốc gia, đoạn đi qua xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Tháng 8 năm 2021, Công ty X hợp đồng với Ngô Đức V trực chỉ đạo thi công kéo đường dây điện, bảo vệ thi công và thực hiện việc giải phóng mặt bằng, thỏa thuận bồi thường với các hộ dân có liên quan. Trong các hộ dân có gia đình ông Đào Văn D thuộc diện phải thỏa thuận bồi thường. Ngày 24-8-2021, Ủy ban nhân dân (UBND) xã H phát hiện gia đình ông D, bà A dựng nhà khung bằng sắt, mái và vách bằng tol nên đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu dừng thi công cho đến khi có quyết định xử lý. Tuy nhiên, ông D, bà A vẫn tiếp tục thi công và hoàn thiện xong một phần căn nhà với diện tích 108m².

Khi biết việc ông D, bà A dựng nhà dưới đường dây điện đi qua có thể làm chậm tiến độ thi công và làm tăng chi phí bồi thường, Ngô Đức V đã liên hệ với UBND xã H đề nghị ban hành quyết định xử phạt, cưỡng chế tháo dỡ trong ngày 25-8-2021. Sau đó, V nhờ Nguyễn Bình V1 thuê người đến bảo vệ, với tiền công mỗi người 500.000đồng một ngày và nhờ Nguyễn Trọng T thuê Trần Văn T5 đến cùng hỗ trợ, bảo vệ; V trực tiếp thuê nhóm trực tiếp tháo dỡ nhà gồm: Bùi Văn T1, Trần Ngọc S, Văn Tiến T2, Nguyễn Văn H2 và Lưu Mạnh T3 điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 48C- 004.04 để chở vật liệu tháo dỡ được.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 25-8-2021, Nguyễn Trọng T cùng với Nguyễn Hải T4 (là nhân viên Công ty X) cùng nhóm người do V thuê đến đứng trước căn nhà của gia đình ông D, bà A để chờ ý kiến chỉ đạo của V. Lúc này, V ở nhà liên lạc với UBND và Công an xã H về việc ra quyết định cưỡng chế, song ông Nguyễn Chí T (Trưởng Công an xã H) thông báo cho V biết UBND xã H chưa ra quyết định cưỡng chế trong ngày mà phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật. Lúc này, V biết UBND xã H không thể ra quyết định cưỡng chế ngay được và đã thông tin cho Nguyễn Trọng T biết. Tuy nhiên, V vẫn liên lạc và yêu cầu Nguyễn Trọng T chỉ đạo vẫn tháo dỡ (T1, T2, S, H2 hỏi T có quyết định cưỡng chế

chưa thì T nói dối đã được sự đồng ý của chính quyền địa phương). Sau đó, T1, T2, S, H2 tiến hành tháo dỡ tôn, sắt, xà gồ đưa lên xe ô tô tải biển kiểm soát 48C - 004.04 đang đậu sẵn. Khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, khi việc tháo tôn và sắt xong chỉ còn lại khung nhà bằng sắt thì ông Đào Văn M (anh trai Đào Văn D) và anh Đào Văn N biết sự việc đã cầm dao đến ngăn cản nên mọi người dừng lại. Khi thấy ông M đến ngăn cản, đe dọa thì Trần Văn T5, Nguyễn Văn H1 áp sát không để ông M sử dụng dao tấn công người khác, T gọi điện báo cho V biết sự việc thì V nhắn tin chỉ đạo T tiếp tục tháo dỡ. Lúc này, T gọi tất cả những người đã được thuê cùng nhau xô đổ khung nhà. Tuy nhiên, do ít người xô không đổ, T đã gọi điện cho Đàm Tiến H, Lê Văn Đ và một số người khác(chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến để cùng xô đổ khung nhà và tiếp tục tháo dỡ thêm một số bộ phận khác của căn nhà, lấy thang sắt, 02 bộ giàn giáo mang đưa lên xe ô tô tải biển kiểm soát 48C-004.04. Sau khi tháo dỡ xong mọi người ra về, riêng T chạy xe mô tô đi sau xe ô tô tải 48C-004.04 yêu cầu anh Lưu Mạnh T3 điều khiển xe ô tô đưa đến UBND xã H giao nộp. Tuy nhiên, do không có cơ sở để nhận số tài sản đã tháo dỡ nên ông Lê Ngọc A là Phó trưởng Công an xã H không đồng ý tiếp nhận. Lúc này, anh Lưu Mạnh T3 gọi điện hỏi thì V chỉ đạo đưa đến thôn L, xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông, anh T3 điều khiển xe chở đến bãi đất trống sau đó T2, S, T1, H2 đến bốc dỡ xuống rồi ra về.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 45 ngày 19-10-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: Giá trị thiệt hại của ngôi nhà tại thời điểm ngày 25-8-2021: Phần thiệt hại hoàn toàn của ngôi nhà gồm: 01 cột sắt tròn phi 76, chiều cao 3,5m; 02 thanh đòn tay giữa dài 06m sắt (03 x 06)cm; 02 thanh sắt dọc (2,5 x 05)cm; không thể khôi phục lại tình trạng của tài sản trước khi bị hủy hoại, hư hỏng giá trị 540.000 đồng Phần thiệt hại, hư hỏng một phần, có thể khắc phục lại được bao gồm: toàn bộ ngôi nhà bị xô đổ; 02 tấm tôn loại 04 dem; 01 thanh vế kèo dài 09m (02 thanh sắt (03 x 06)cm ghép với nhau); 01 thanh sắt dài 06m nằm ngang bị cong gập; chi phí khắc phục hư hỏng, công tháo dỡ và dựng lại toàn bộ ngôi nhà như hiện trạng ban đầu với số tiền là: 13.560.000 đồng (mười ba triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng). Tổng thiệt hại thành tiền các tài sản trên là: 14.100.000 đồng (mười bốn triệu một trăm ngàn đồng). Giá trị còn lại của tài sản (được thống kê theo biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 16 giờ 30 phút ngày 26-8-2021, tại thôn L, xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song): Tổng sắt kiểm kê là 437kg x 13.000 đồng = 5.681.000 đồng. Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 55 ngày 19-10-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: Giá trị thiệt hại của ngôi nhà: Phần thiệt hại hoàn toàn của ngôi nhà bao gồm: 14 tấm tôn kích thước (1,1 x 6,1)m, dày 0,25mm, loại màu tôn xanh, nhãn hiệu Hoa Sen, đã dập gợn sóng, phần này thiệt hại không thể khôi phục lại tình trạng của tài sản trước khi bị hủy hoại, hư hỏng: giá trị thiệt hại là chi phí mua mới để thay thế các phần hư hỏng trên với số tiền là 6.319.600 đồng; giá trị 02 bộ giàn giáo là 700.000 đồng, 01 cái thang sắt là 200.000 đồng, 01 tấm tôn là 153.000 đồng, 01 con dao phát là 150.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại căn nhà là 26.253.600 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2022/HS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông quyết định: Tuyên bố các bị cáo

Ngô Đức V, Nguyễn Trọng T, Đàm Tiến H, Phạm Hùng D, Đoàn Văn P, Nguyễn Hải T4, Lê Văn Đ và Trần Văn T5 phạm tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Đức V 15 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Phạm Hùng D, Trần Văn T5 và Đàm Tiến H mỗi bị cáo 13 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 12 tháng tù; các bị cáo Đoàn Văn P, Nguyễn Hải T4 và Lê Văn Đ mỗi bị cáo 09 tháng tù. Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Ngô Đức V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và áp dụng hình phạt tiền; các bị cáo Nguyễn Trọng T, Lê Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; các bị cáo Đàm Tiến H, Phạm Hùng D, Trần Văn T5 và Nguyễn Hải T4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị hại Đào Văn D và Ngô Thị Vân A kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo V trình bày: Bị cáo thực hiện các công việc theo sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của anh Nguyễn Văn H là Giám đốc Công ty X; đối với việc tháo dỡ nhà của bị hại, bị cáo có nhắn tin hỏi ý kiến anh H và nhận được sự chỉ đạo phải chờ xử lý sau, song do bị cáo mong muốn giải quyết sớm nên đã tự ý quyết định. Các bị cáo trình bày sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp khoản tiền bồi thường cho bị hại và đều thừa nhận bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xử phạt về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị hại trình bày tại phiên tòa sơ thẩm đã đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, song sau khi kết thúc phiên tòa các bị cáo có thái độ xúc phạm, thách thức bị hại, do đó vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo tăng hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về việc tăng hình phạt đối với một số bị cáo, không chấp nhận kháng cáo tăng bồi thường thiệt hại, cụ thể: áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo đã nộp một phần nghĩa vụ dân sự theo quyết định của bản án sơ thẩm và xử phạt Ngô Đức V từ 24 đến 27 tháng tù; bị cáo Nguyễn Trọng T từ 18 đến 24 tháng tù; các bị cáo Phạm Hùng D, Trần Văn T5, Đàm Tiến H và Nguyễn Hải T4 từ 18 đến 21 tháng tù; giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn Đ và Đoàn Văn P. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông kiểm sát vụ án trên cơ sở bản án sơ thẩm, chưa tiếp cận kịp thời hồ sơ vụ án, do đó căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị tiếp tục điều tra vai trò đồng phạm của anh Nguyễn Đức Hải (Giám đốc Công ty X) là người thuê và chỉ đạo mọi hoạt động đối với bị cáo V; vai trò giúp sức của anh Nguyễn Bình V1 (đã thuê người cho bị cáo V); xem xét xử lý số tiền anh H đã đưa cho bị cáo V thuê người tháo dỡ nhà của bị hại; tư cách tham gia tổ tụng của Công ty X; xử lý phương tiện bị cáo V sử dụng vào việc phạm tội; các bị cáo có dấu hiệu phạm tội có tổ chức.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng T trình bày luận cứ: Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” là đúng, không oan. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa xem xét hoàn cảnh, điều kiện phạm tội do người bị hại có lỗi xây dựng trái phép, gia đình bị hại mang hung khí tới hiện trường làm cho bị cáo bị kích động về tinh thần; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp khoản tiền bồi thường; tham gia với vai trò giúp sức và có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Do đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng các điểm b, i, e, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã triệu tập hợp lệ ông Đào Văn D là bị hại và ông Nguyễn Văn K là người bào chữa cho bị cáo Ngô Đức V trong vụ án tham gia phiên tòa, song đều vắng mặt không có lý do (bị cáo Ngô Đức V đề nghị xét xử vắng mặt người bào chữa), Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Tại “Giấy giao nhiệm vụ” số: 1208/GDNCV ngày 12-8-2021 của Công ty X đã giao nhiệm vụ cho Ngô Đức V (chức vụ: Phụ trách đèn bù) trực tiếp phụ trách các đội thi công việc căng, rải kéo dây thuộc phạm vi đường dây 220KV từ vị trí 01 đến vị trí 97 đảm bảo công tác an toàn trong lao động, an ninh trật tự. Biên bản ghi lời khai ngày 12-01-2022 (bút lục số 523) ông Nguyễn Văn H (Giám đốc Công ty X) khai còn giao cho Ngô Đức V nhiệm vụ hỗ trợ việc giải phóng mặt bằng và bồi thường không lập văn bản. Như vậy, bị cáo Ngô Đức V không có thẩm quyền, trách nhiệm nhưng vẫn trực tiếp điều hành, thuê người tháo dỡ, xô đổ căn nhà của ông Đào Văn D và bà Ngô Thị Vân A; bị cáo Nguyễn Trọng T là người nhận sự điều hành trực tiếp từ bị cáo V và tích cực trong việc điều hành các bị cáo khác; các bị cáo Đàm Tiến H, Phạm Hùng D, Đoàn Văn P, Nguyễn Hải T4, Lê Văn Đ và Trần Văn T5 là người trực tiếp thực hiện theo sự điều hành của bị cáo T. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Tổng giá trị tài sản thiệt hại được kết luận là 26.253.600 đồng. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2022/HS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã kết án các bị cáo Ngô Đức V, Nguyễn Trọng T, Đàm Tiến H, Phạm Hùng D, Đoàn Văn P, Nguyễn Hải T4, Lê Văn Đ và Trần Văn T5 về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo và các bị hại về hình phạt:

[3.1]. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, các bị cáo cung cấp các biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, ghi nhận các bị cáo đã nộp một phần tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quyết định của bản

án sơ thẩm (từ 1.000.000đồng đến 2.000.000đồng mỗi bị cáo). Đối với bị cáo Ngô Đức V, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận việc bị cáo tự nguyện bồi thường thêm; các bị cáo khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo tăng hình phạt, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt*” quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo (tại phiên tòa sơ thẩm bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt).

[3.2]. Xét luận cứ của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng T, Hội đồng xét xử nhận định: Trường hợp gia đình ông Đào Văn D và bà Ngô Thị Vân A xây dựng trái phép thì họ vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hành chính về vực xây dựng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, xử lý và không có lỗi đối với bị cáo T; đồng thời bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội theo sự điều hành của bị cáo V và là người trực tiếp điều hành các bị cáo khác thực hiện tháo dỡ căn nhà của bị hại, thể hiện tính chất, vai trò phạm tội chỉ sau bị cáo V. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận luận điểm bào chữa của luật sư về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra*” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51, cũng như áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo đối với bị cáo T.

[3.3]. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới (bồi thường khoản tiền cho bị hại theo quyết định của bản án sơ thẩm). Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đánh giá khách quan, toàn diện: diễn biến, bối cảnh các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và các tình tiết khác của vụ án; áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ nhiệm hình sự và xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với vai trò, tính chất, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo: Ngô Đức V, Nguyễn Trọng T, Đàm Tiến H, Phạm Hùng D, Trần Văn T5, Đoàn Văn P và Nguyễn Hải T4 cũng như kháng cáo tăng hình phạt của các bị hại Đào Văn D và Ngô Thị Vân A và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc tăng hình phạt đối với một số bị cáo đã nêu (các bị cáo Ngô Đức V, Nguyễn Trọng T, Phạm Hùng D, Trần Văn T5, Đàm Tiến H và Nguyễn Hải T4). Riêng bị cáo Lê Văn Đ là người được bị cáo T gọi điện đến sau cùng và tham gia với vai trò đồng phạm thấp nhất so với tất cả các bị cáo trong vụ án và tại giai đoạn xét xử phúc thẩm được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, đồng thời bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định pháp luật, do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Đ.

[4]. Xét kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại của các bị hại: Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S đã kết luận tổng giá trị tài sản thiệt hại là 26.253.600 đồng và bị hại thừa nhận quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm đã được thông báo kết quả định giá tài sản nhưng không có

khieu nại. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định và buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tổng số tiền 104.300.000 đồng cho các bị hại (gồm 75.140.000 đồng chi phí mua vật liệu và 29.160.000 đồng công xây dựng theo các hóa đơn, kê khai do bị hại cung cấp) là không có căn cứ và không đúng pháp luật. Song, các quyết định về trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cũng không có ý kiến gì về nội dung này, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, Hội đồng xét xử sơ thẩm cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5]. Đối với các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

[5.1]. Tại mục [2] của bản án Hội đồng xét xử đã nhận định, hành vi phạm tội của các bị cáo có sự điều hành của bị cáo V và bị cáo T, tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ chỉ mang tính đồng phạm đơn giản. Trong quá trình điều hành bị cáo Nguyễn Trọng T tháo dỡ nhà của bị hại, bị cáo V nhắn tin và trao đổi thông qua điện thoại di động, không sử dụng phương tiện gì để vận chuyển người đến hiện trường để thực hiện hành vi phạm tội.

[5.2]. Đối với nội dung cần tiếp tục điều tra vai trò của anh Nguyễn Văn H; số tiền anh H đã đưa cho bị cáo V trả cho những người đã trực tiếp tháo dỡ nhà của bị hại; vai trò giúp sức của anh Nguyễn Bình V1 trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình điều tra anh H khai nhận không chỉ đạo bị cáo V thực hiện việc tháo dỡ căn nhà của ông D; các Biên bản lấy lời khai đối với bị cáo V ngày 29-8-2021, ngày 09-9-202 và tại phiên tòa phúc thẩm đều khai: tự ý thực hiện, không có ý kiến của anh H. Tuy nhiên, các lời khai của bị cáo V, của anh H và các chứng cứ khác đã thu thập lưu hồ sơ vụ án còn có sự mâu thuẫn chưa được điều tra và kết luận: Các công việc bị cáo V thực hiện đều phải có ý kiến của anh H; trước, trong, sau khi bị cáo V điều hành việc tháo dỡ nhà của bị hại, anh H có ý kiến cụ thể như thế nào; trước khi đưa tiền cho bị cáo V trả cho những người tháo dỡ nhà bị hại, giữa bị cáo V và anh H đã bàn bạc những nội dung gì không?...Đối với anh Nguyễn Bình V1: Quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm đã khai: Được bị cáo V nhờ thuê người bảo vệ việc tháo dỡ và có đưa người đến nhà bị hại, đồng thời đã yêu cầu chỉ thực hiện việc tháo dỡ khi có ý kiến của chính quyền địa phương. Song, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, ghi nhận: anh V có mặt tại hiện trường khi các bị cáo đang tháo dỡ nhà của bị hại nhưng chưa được điều tra và kết luận.

[5.3]. Căn cứ tính chất của xét xử phúc thẩm và phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 330 và Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận các nội dung kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể: Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông tiếp tục điều tra vai trò của anh Nguyễn Văn H (Giám đốc Công ty X) và anh Nguyễn Bình V1 (đã thuê người cho bị cáo V); số tiền anh H đưa cho bị cáo V trả cho những người tháo dỡ nhà của bị hại liên quan đến vụ án.

[6]. Về án phí: Bị cáo Lê Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Ngô Đức V, Nguyễn Trọng T, Đàm Tiến H, Phạm Hùng D, Nguyễn Hải T4, Trần Văn T5 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị hại Đào Văn D và Ngô Thị Vân A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo về yêu cầu tăng

bồi thường thiệt hại không được chấp nhận. Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo đã nộp các khoản tiền bồi thường sau khi xét xử sơ thẩm.

[7]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

1.1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị hại Đào Văn D và Ngô Thị Vân A.

1.2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Đức V, Nguyễn Trọng T, Đàm Tiến H, Phạm Hùng D, Nguyễn Hải T4 và Trần Văn T5.

1.2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Ngô Đức V** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tính từ ngày bị bắt thi hành án.

1.2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt các bị cáo **Phạm Hùng D và Trần Văn T5** mỗi bị cáo 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tính từ ngày bị bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Đàm Tiến H** 01 (một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tính từ ngày bị bắt thi hành án và được trừ thời gian đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-02-2022 đến ngày 14-3-2022.

1.2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng T** 01 (một) năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tính từ ngày bị bắt thi hành án.

- Xử phạt các bị cáo **Nguyễn Hải T4 và Đoàn Văn P** mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tính từ ngày bị bắt thi hành án.

1.3. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Văn Đ** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Lê Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố I, tỉnh Đắk Nông giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

2.1. Chấp nhận bị cáo Ngô Đức V bồi thường cho bị hại ông Đào Văn D và bà Ngô Thị Vân A số tiền 27.253.600đ (*Hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm đồng*) đã nộp theo các Biên lai số: 0000965 ngày 22-6-2022 (số tiền 26.253.600đồng) và Biên lai số: 0000980 ngày 01-11-2022 (số tiền 1.000.000đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại ông Đào Văn D và bà Ngô Thị Vân A, cụ thể chia theo phần:

2.2.1. Các bị cáo Nguyễn Trọng T, Đàm Tiến H và Nguyễn Hải T4 mỗi bị cáo phải bồi thường 11.149.000đ (*Mười một triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) và mỗi bị cáo được trừ 1.000.000đ (*một triệu đồng*) đã bồi thường theo các Biên lai số: 0000976 ngày 21-10-2022 (bị cáo T), số 0000980 ngày 01-11-2022 (các bị cáo H, T4) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đắk Nông; mỗi bị cáo còn phải bồi thường số tiền 10.149.000đ (*Mười triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng*);

2.2.2. Các bị cáo Phạm Hùng D, Lê Văn Đ và Đoàn Văn P mỗi bị cáo phải bồi thường 11.149.000đ (*Mười một triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) và mỗi bị cáo được trừ 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) đã bồi thường theo các Biên lai số: 0000979 (bị cáo D), 0000978 (bị cáo Đ), 0000977 (bị cáo P) ngày 01-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đắk Nông; mỗi bị cáo còn phải bồi thường số tiền 9.149.000đ (*Chín triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

2.2.3. Bị cáo Trần Văn T5 phải bồi thường 11.149.000đ (*Mười một triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) và được trừ 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) đã bồi thường theo các Biên lai số: 0000980 ngày 01-11-2022 (số tiền 1.000.000đồng) và 0000981 ngày 02-11-2022 (số tiền 2.000.000đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đắk Nông; còn phải bồi thường số tiền 8.149.000đ (*Tám triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

3. Về án phí: Căn cứ điểm c khoản 1; các điểm b, e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

3.1. Buộc các bị cáo Ngô Đức V, Nguyễn Trọng T, Đàm Tiến H, Phạm Hùng D, Nguyễn Hải T4 và Trần Văn T5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3.2. Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng T, Đàm Tiến H và Nguyễn Hải T4 mỗi bị cáo phải chịu 507.000đ (*Năm trăm lẻ bảy nghìn đồng*); các bị cáo Phạm Hùng D, Lê Văn Đ và Đoàn Văn P mỗi bị cáo phải chịu 457.000đ (*Bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng*); bị cáo Trần Văn T5 phải chịu 407.000đ (*Bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.3. Buộc các bị hại Đào Văn D và Ngô Thị Vân A mỗi người phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ I) (1);
- VKSND tỉnh Đắk Nông (2);
- CQ CSĐT Công an tỉnh Đắk Nông (1);
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đ (8);
- CQ CSĐT Công an huyện Đắk Song (1);
- VKSND huyện Đắk Song(1);
- TAND huyện Đắk Song (3);
- CQ THAHS Công an huyện S (1);
- Chi cục THADS huyện S (1);
- Bị cáo (8);
- Bị hại (2);
- Lưu: THCTP (1), THS (1), HSVA (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THAM GIA THẨM PHÁN CHỦ TỌA**